

Đề bài: Phân tích bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ

Bài làm:

Hàn Mặc Tử là hồn thơ đau thương nhưng là một nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ nhất trong phong trào thơ mới. Ông để lại cho văn học Việt Nam nhiều tác phẩm có giá trị như: “Gái quê”, “Thơ điên”, “Chơi giữa mùa trăng”... Đặc sắc và gây xúc động nhất là bài “Đây thôn Vĩ Dạ” được trích trong tập “Thơ điên”. Bài thơ là bức tranh tuyệt đẹp về miền quê đất nước và là tiếng lòng của một con người tha thiết yêu đời, yêu người:

“Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?

....

Ai biết tình ai có đậm đà”

“Đây thôn Vĩ Dạ” rút trong tập “Thơ điên” xuất bản năm 1940. Theo thi sĩ Quách Tấn – bạn thơ của Hàn Mặc Tử thì bài thơ được gợi cảm hứng từ tấm bưu ảnh do cô gái Huế có tên Hoàng Cúc gửi tặng. Đó là tấm bưu thiếp vẽ cảnh Huế với dòng sông, con đò, bến trăng hay một buổi bình minh. Khi ấy Hàn Mặc Tử đang điều trị bệnh phong tại Quy Nhơn. Nhận được tấm bưu ảnh cùng những lời thăm hỏi của cô gái xứ Huế, ông đã xúc động viết bài thơ này.

Bài thơ mở đầu bằng một hoài niệm mênh mang về cảnh và người thôn Vĩ. Bức tranh thơ đẹp còn tình người thì tha thiết nhớ mong:

“Sao anh không về chơi thôn Vĩ

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên

Vườn ai mướt quá xanh như ngọc

Lá trúc che ngang mặt chữ điền”

Có lẽ, với bất cứ ai khi đọc bài thơ này, cũng đều bị cuốn hút ngay từ câu thơ đầu với những bản khoăn, vừa như hờn dỗi, như trách yêu. Câu hỏi ấy chính là sự phân thân của nhà thơ, sự hóa thân của nhà thơ vào cô gái Huế. Chỉ một câu thôi, câu hỏi nhưng lại chan chứa yêu thương. Tại sao lâu rồi anh không về chơi thôn Vĩ bên bờ sông Hương thơ

mộng, có người con gái anh thương? Nhà thơ sử dụng từ “chơi” mà không sử dụng từ “thăm”.

Nếu sử dụng từ “thăm” thì cấu trúc câu thơ không thay đổi nhưng nó trở nên khách sáo, từ “chơi” gợi nên sự thân mật, gần gũi thăm thiết, thân tình. Trong câu thơ, nhà thơ đã hé lộ cho người đọc tình cảm của mình đối với cô gái Huế, xem cô gái Huế là một người thân thương hay chính cô gái ấy xem nhà thơ như bạn tâm giao, tri kỷ.

Mặt khác, sắc thái tu từ trong câu thơ đầu còn là lời tự hỏi, tự trách mình: sao cảnh Huế đẹp vậy mà mình không trở về ? Đó là một câu hỏi đốn đau, khắc khoải vì trở về Huế là điều không thể bởi nhà thơ đang ở giai đoạn cuối của cơn bạo bệnh. Nhưng cũng chính câu hỏi tu từ ấy là nguyên cớ để khơi dậy khao khát, hoài niệm. Vì không thể trở về nên nhà thơ đã làm một cuộc hành hương trong tâm tưởng. Ba câu thơ tiếp theo là hình ảnh thôn Vĩ hiện lên qua cái nhìn tha thiết:

“Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền”

Cảnh sắc thôn Vĩ được chiêm ngưỡng từ xa đến gần. Từ xa nhà thơ đã nhìn thấy “nắng hàng cau nắng mới lên”. Câu thơ với điệp từ “nắng” và cách ngắt nhịp 4/3 gợi ra trong mắt người đọc một không gian tràn đầy ánh sáng. Cảnh hiện lên rõ nét sống động, đầu tiên là vẻ đẹp của “nắng hàng cau”. Cau là loài cây cao nên đón ánh nắng đầu tiên của ngày mới.

Không gian thôn Vĩ vì thế như được đẩy lên cao, thoáng đãng, khoáng đạt. Đặc biệt sau một đêm tắm gội dưới làn sương, những tàu cau trở nên xanh biếc hơn dưới ánh mặt trời. Cụm từ “nắng mới lên” cho ta thấy đó là ánh nắng của buổi ban mai thật rực rỡ, trong sáng. Câu thơ vẽ nên một hàng cau đầy sức sống đang vươn lên mãnh liệt đón ánh nắng đầu tiên của buổi sớm.

Ánh nắng mới mẻ, tinh khôi như làm sáng bừng lên không gian khoáng đạt, rộng lớn. Nhớ đến thôn Vĩ, nhà thơ nhớ ngay đến hình ảnh hàng cau đầu tiên. Bởi lẽ hàng cau là

hình ảnh quá đỗi thân thuộc với mỗi người dân thôn Vĩ. Hình ảnh tưởng chừng như đơn sơ, bình dị ấy lại có sức gợi hình, gợi cảm lớn và có ý nghĩa sâu sắc trong trái tim nhà thơ.

Nhắc đến cau còn là nhắc đến loại cây rất thân thuộc với làng quê Việt Nam, nơi có phong tục ăn trầu từ ngàn đời nay. Nguyễn Bính – một nhà thơ cảnh quê, hồn quê cũng đã đặt mỗi tình bình dị của đôi trai gái thôn quê trên cái nền phong cảnh có hình ảnh thân cau quen thuộc ấy:

“Nhà anh có một hàng cau
Nhà em có một giàn trầu”

Trong bài thơ “Hoa Lư” nhà thơ Trần Đăng Khoa đã viết:

“Đường cỏ lơ mơ nắng
Mái tranh chìm chơi vơi
Vài tán cau mọc mọc
Thả hồn quê lên trời”

Ở khoảng cách gần, thôn Vĩ hiện lên bởi vẻ đẹp của khu vườn tràn đầy nhựa sống “Vườn ai mướt quá xanh như ngọc”. “Một câu thơ hay là một câu thơ giàu sức gợi” (Lưu Trọng Lư). Quả đúng như vậy, câu thơ đã gợi ra một khoảng không gian xanh của thiên nhiên Vĩ Dạ, cái màu xanh mướt mà, mờ màng của hàng cây khiến cho người đọc cảm nhận được một sức sống tràn trề, mơn mớn.

Tác giả dùng màu xanh như ngọc để diễn tả sức sống, vẻ đẹp của thiên nhiên thôn Vĩ, một màu sắc cao quý, lấp lánh và trong trẻo. Nếu không có một tình yêu nồng nàn đối với đất và người Vĩ Dạ, có lẽ thi sĩ họ Hàn không thể gieo được những vần thơ trong trẻo đến như vậy.

“Vườn ai”? không xác định nhưng ngầm hiểu đó là khu vườn cô gái Huế. “Mướt” là một tính từ khác với “mượt” bởi “mượt” chỉ gợi lên mịn màng mà “mướt” thì gợi sự sáng lên, tươi mới của cảnh vật. Xuân Diệu viết:

“Đỏ trời xanh ngọc qua muôn lá

Thu đến nơi nơi động tiếng huyền”

Thủ pháp nghệ thuật so sánh “xanh như ngọc”. Xanh ngọc tức là xanh trong, màu xanh đi liền với ánh sáng nhưng không chói chang mà lại rất dịu, người đọc có thể hình dung vẻ đẹp của viên ngọc đính giữa bầu trời xứ Huế. Câu thơ với “vườn ai mướt quá” như một lời trầm trồ, thán phục, ngợi ca cũng như lời thầm cảm ơn chủ nhân của khu vườn đã dày công chăm bẵm cho khu vườn thêm đẹp.

Và cảnh vật thôn Vĩ càng đẹp hơn trước bởi sự xuất hiện hình bóng con người “Lá trúc che ngang mặt chữ điền”. Vĩ Dạ nổi tiếng với màu xanh của trúc – một loài cây họ tre được trồng trước ngõ. Trong tâm tưởng thi nhân bất chợt hiện về khuôn mặt chữ điền lấp ló sau hàng trúc.

Lá trúc thì mảnh mai, mặt chữ điền gợi sự vuông vắn, phúc hậu. Tất cả tạo nên vẻ đẹp hài hòa giữa con người và cảnh vật đồng thời qua đó người đọc nhìn thấy không chỉ vẻ đẹp phúc hậu của người con gái Huế mà còn là vẻ đẹp của sự kín đáo, duyên dáng, e ấp rất thiếu nữ, rất Huế. Cũng viết về thôn Vĩ, nhà thơ Bích Khê viết:

“Vĩ Dạ thôn, Vĩ Dạ thôn

Biếc tre cần trúc không buồn mà say”

Viết về trúc, Hàn Mặc Tử không chỉ là “Lá trúc che ngang mặt chữ điền” mà còn là:

“Thầm thì hỏi ai ngồi dưới trúc

Nghe ra ý vị và thơ ngây”

Thiên nhiên và con người có sự gắn bó, hòa quyện hấp dẫn tạo xúc động mạnh trong lòng nhà thơ. Nhà thơ đã ghi lại linh hồn của tạo vật với những gì đặc sắc, lắng đọng trong ký ức hoài niệm, trong nỗi niềm nhớ thương. Bằng việc miêu tả vẻ đẹp thôn Vĩ, Hàn Mặc Tử đã thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng thiết tha đắm thắm đối với cảnh và người xứ Huế. Tất cả ẩn chứa một sự nuối tiếc, một niềm khát khao trở về thôn Vĩ yêu thương.

Nếu như ở khổ thơ thứ nhất nhà thơ nhìn cảnh vật bằng niềm lạc quan yêu đời thì sang khổ thơ hai, tâm trạng thi nhân dần có sự đổi khác, đó chính là lúc mặc cảm chia lìa hiện ra rõ nét dưới từng câu chữ:

Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay

Sông Hương, núi Ngự hiện lên với vẻ đẹp đặc trưng của xứ Huế, dòng sông Hương luôn chảy lững lờ, chậm rãi – đó là “điệu Slow tình cảm dành riêng cho Huế” (Hoàng Phủ Ngọc Tường). Hai bên bờ sông là những vườn bắp với những bông hoa nhẹ nhàng lay động. Thế mà trong đôi mắt Hàn Mặc Tử thì cảnh vật hiện lên chia lìa “Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay. Phép nhân hoá làm dòng sông như chờ nặng nỗi sầu thương chất ngất của nhà thơ.

Đó là lúc tâm cảnh đã nhuốm vào ngoại cảnh. Nỗi buồn của thi nhân dường như phủ khắp cảnh vật: gió, mây, dòng sông, hoa bắp... Gió và mây là hai sự vật luôn sánh đôi với nhau như thuyền và nước nhưng trong thơ Hàn Mặc Tử thì gió mây chia lìa. Gió đóng khung trong gió, mây đóng khung trong mây “Gió theo lối gió, mây đường mây”. Nhìn xuống dòng sông, thi nhân thấy dòng sông trở nên “buồn thiu”, còn hoa bắp chỉ khẽ “lay” – một cử động rất nhỏ tạo cho bức tranh nỗi buồn hiu hắt vắng lặng. Chữ “lay” ấy như từ trong ca dao bay về đậu vào thơ Hàn Mặc Tử :

Ai về Giồng Dừa qua truông

Gió lay bông sậy bỏ buồn cho em

Không gian sông nước xứ Huế nhuốm màu sắc hư ảo. Nỗi buồn phủ khắp cảnh vật từ gió mây đến dòng nước và hoa bắp bên sông. Buồn đến não ruột, buồn đến mềm lòng. Gió và mây vốn gắn kết cũng đã có sự chia lìa đôi ngả, dòng sông mang đầy tâm trạng chảy về niềm tâm tưởng. Đằng sau những cảnh vật ấy là tâm trạng của một con người mang nặng một nỗi buồn xa cách, một mối tình vô vọng, đơn phương. Ths Phan Danh Hiếu

Hai câu thơ tiếp theo, thi nhân đưa người đọc vào cõi mộng. Vẫn là dòng sông Hương, là Huế thơ mộng nhưng không còn nắng, còn xanh của Vĩ Dạ mà trước mắt người đọc là

không gian ngập đầy ánh trắng, con thuyền trở thành thuyền trắng, dòng sông thì sông trắng, bến thì thành bến trắng.

Từ xưa đến nay, có thuyền trắng, bến trắng nhưng nay lại có sáng tạo sông trắng độc đáo của hồn thơ Hàn Mặc Tử. Đọc câu thơ, người đọc có cảm tưởng như đang trôi vào cõi mộng, dường như đang sống trong khắc khoải hoài mong của thi nhân. Đây không phải lần đầu Hàn Mặc Tử viết về trắng mà trong thế giới thơ ca của Hàn Mặc Tử, trắng là một người bạn, một người tình không thể thiếu trong đời sống tâm hồn thi nhân:

“Trắng nằm sóng soãi trên cành liễu

Đợi gió đông về để lả lơi”

“Không gian đắm đuối toàn trắng cả

Anh cũng trắng mà em cũng trắng”

Hay:

“Gió lùa ánh sáng vào trong bãi

Trắng ngập dòng sông chảy lãng lai”

“Ai mua trắng tôi bán trắng cho

Trắng nằm im trên cành liễu đợi chờ

Ai mua trắng tôi bán trắng cho

Chẳng bán tình duyên ước hẹn thề”

Thơ Hàn Mặc Tử ít nhiều nhuộm màu sắc trường phái tượng trưng siêu thực của phương Tây vì thế nên có nhiều hình ảnh khó nắm bắt, ví như câu viết về trắng trong tác phẩm này. “Thuyền ai” phải chăng đó là con thuyền của cô gái Huế, con thuyền mà nhà thơ đang mơ ước chở trắng và phải chăng trắng chính là tình yêu mà nỗi chờ mong của Hàn Mặc Tử. “Tối nay” là tối nào, phải chăng đây là giới hạn cuối cùng của cuộc đời nhà thơ – khi mà cuộc sống của nhà thơ là cuộc chạy đua với thời gian.

“Tối nay” phải chăng chính là ranh giới của sự sống và cái chết. Có phải vì thế mà câu hỏi tu từ vang lên khẩn thiết: “Có chở trắng về kịp tối nay?”. Liệu rồi con thuyền ấy có cập bến bờ trước lúc Hàn Mặc Tử trở về với cõi vĩnh hằng hay không? Từ “kịp” vì thế

mà chất chứa tâm trạng hoài mong và cả tin yêu lẫn bi kịch và hoài nghi của con người. “Có chớ trắng về kịp tối nay?” là câu hỏi ẩn chứa một sự day dứt, mong ước và lo sợ. Một niềm hy vọng đầy khắc khoải và phấp phồng trong tâm trạng thi nhân. Hàn Mặc Tử cảm nhận thời gian đang trôi chảy trong lúc mình bất lực. Chính vì vậy mà người đọc càng thấu hiểu hơn cái giục giã trong lời mời gọi ở câu thơ đầu, càng đồng cảm hơn với khát vọng sống mãnh liệt của nhà thơ khi cái chết đang kề cận. Mặc dù sống trong mơ nhưng thi nhân không mất hết hy vọng mà vẫn mong ước một cách riết róng:

“Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?”

Nhịp thơ 4/3 và điệp ngữ “Khách đường xa” được lặp lại hai lần thể hiện tâm trạng khắc khoải chờ đợi và niềm khát khao đến mãnh liệt. Từ “mơ” nằm đầu câu đã thể hiện rõ tâm trạng mong chờ ấy của thi nhân. Thầy Phan Danh Hiếu. “Mơ” chứ không phải là “mong”, vì không mong được nên mơ, vì sống trong mơ có lẽ sẽ bớt đi nỗi cô đơn thì phải. “Khách đường xa” có lẽ chính là cô gái Huế, và khách đường xa xuất hiện trong màu áo trắng.

Màu trắng tượng trưng cho vẻ đẹp trong trắng tinh khôi của cô gái Huế – nhất là Hoàng Cúc từng là nữ sinh của trường Đồng Khánh. Trong sự đa nghĩa của câu thơ, màu trắng còn là sắc màu chỉ sự trong trắng của mối tình đơn phương; màu trắng ở đây vượt lên trên mức bình thường nên đã hóa thành màu của ảo ảnh và chính vì nhìn vào ảo ảnh nên hình bóng của giai nhân cứ mờ nhoè, hư ảo.

“Ở đây sương khói mờ nhân ảnh”. “Ở đây” – nơi nhà thơ dưỡng bệnh – nơi mà Hàn Mặc Tử luôn xem là lãnh cung giam lỏng mình. “Ở đây” và “ngoài kia” có xa xôi mấy đâu vậy mà một lần về thăm thôi cũng là điều không tưởng. Bởi thế câu thơ như vừa thực vừa mơ,

còn kỷ niệm cứ chìm dần vào Huế – nơi đó giai nhân trong mộng đang lẫn trong màu khói sương của kỷ niệm. Hình bóng giai nhân ấy đã bao năm làm điên đảo mộng thi ca:

“Trời hỡi làm sao cho khỏi đói

Gió trăng có sẵn làm sao ăn

Làm sao giết được người trong mộng

Để trả thù duyên kiếp lỡ làng”

Câu hỏi cuối khổ thơ vang lên đầy hoài nghi, đầy khắc khoải về một mối tình vô vọng: “Ai biết tình ai có đậm đà?”. Đây là sự hoài nghi của người yêu đời tha thiết. Nhà thơ trong trạng thái bị dày vò vì khát khao tình yêu, vì trái tim đang rơi vào trống trải. Thơ Phan Danh Hiếu. Câu hỏi như một tiếng kêu đau đớn, mang theo nỗi buồn vô vọng và những uẩn khúc của Hàn Mặc Tử – một tâm hồn đau thương chói với, bất lực trong mặc cảm chia lìa nhưng cũng hết lòng thiết tha với cuộc đời.

Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ như: điệp từ, nhân hóa, so sánh, câu hỏi tu từ... Bằng thủ pháp nghệ thuật liên tưởng cùng với những câu hỏi tu từ xuyên suốt bài thơ, tác giả Hàn Mặc Tử đã phác họa ra trước mắt ta một khung cảnh nên thơ, đầy sức sống và ẩn trong đấy là nỗi lòng của chính nhà thơ: nỗi đau đớn trước sự cô đơn, buồn chán trần thế, đau cho số phận ngắn ngủi của mình. Thầy Phan Danh Hiếu.

Dẫu vậy nhưng ông vẫn sống hết mình trong sự đau đớn của tinh thần và thể xác. Điều đó chứng tỏ ông không buông thả mình trong dòng sông số phận mà luôn cố gắng vượt lên nó để khi xa lìa cõi đời sẽ không còn gì phải hối tiếc. Trải qua bao năm tháng, cái tình của Hàn Mặc Tử vẫn còn tươi nguyên, nóng hổi và day dứt trong lòng người đọc. “Tình yêu trong ước mơ của con người đau đớn ấy có sức bay bổng kì lạ” nhưng nó cũng giản dị, trong sáng và tươi đẹp như làng quê Vĩ Dạ.

Bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” là một thi phẩm nói lên mối tình đơn phương vô vọng nhưng cũng rất đổi thiết tha yêu đời của thi nhân Hàn Mặc Tử. Nhắc đến Huế, ta không thể quên bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ, và nhắc đến Hàn Mặc Tử ta càng không thể quên vẻ đẹp của Huế, đặc biệt là không thể quên vẻ đẹp thôn Vĩ trong thi phẩm đề đời của ông. Huế đẹp,

Huế thơ, xin được mượn bốn câu thơ của Thu Bồn thay cho lời kết gửi đến tình yêu xứ Huế, với thi nhân Hàn Mặc Tử:

“Xin chào Huế một lần anh đến
Để ngàn lần anh nhớ trong mơ
Em rất thực nắng thì mờ ảo
Xin đừng làm em với Cố Đô”

-Thầy Phan Danh Hiếu-

Đây cũng chính là nơi mà tác giả đã làm việc và học tập tại đây. Phải chăng đây chính là những lời thì thầm nhắc nhở của cô gái dành cho chàng trai rằng hãy về làng Vĩ Dạ chơi vì có biết bao nhiêu cảnh quan đẹp kỳ bí mà chàng trai đã lâu rồi không ghé thăm. Cảnh vật ở đây đẹp đến lạ lùng khi tác giả đã miêu tả rõ nét từng hình ảnh dung dị nhất:

“Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền”

Ở đây cảnh vật có hai màu chủ đạo chính là màu xanh và màu nắng vàng. Cảnh vật ở đây có những hàng cau mọc lên cao và mang màu sắc xanh. Hình ảnh những hàng cau mọc theo hàng lối và đến mùa ra hoa cau thật đẹp. Hoa cau vừa đẹp lại vừa thơm đó chính là lý do mà cây cau không thể thiếu ở Huế được. Nếu như bạn đã từng đi Huế thì sẽ có dịp được chiêm ngưỡng những vườn cau đẹp đến mê hồn của những con người nơi đây.

Ở xứ Huế các bạn sẽ còn trông thấy những vườn cỏ rộng rãi bên trong là những cây cau. Một không gian toàn màu xanh và được điểm sáng bởi những ánh nắng vàng khiến cho không gian trở nên thơ mộng và trữ tình. Vườn nhà đã được tác giả phải thốt lên: “mướt quá” một từ ngữ thể hiện được sự tươi tốt và màu mỡ của cảnh vật nơi đây. Những giọt sương long lanh vẫn còn đọng lại ở những cây cỏ và khi ấy những ánh nắng đã khẽ chiếu vào tạo nên những viên ngọc được tác giả miêu tả: “xanh như ngọc”.

Biện pháp so sánh được sử dụng ở đây khiến cho người đọc liên tưởng được hay hình dung được một bức tranh muôn màu sắc mà tác giả đã vẽ lên. Nhưng đến khổ thơ thứ hai giọng thơ trở nên sâu lắng và pha một chút tâm trạng buồn bã:

“Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chờ trăng về kịp tối nay?”

Hai sự vật là gió và mây khi được nhắc đến luôn gợi cho chúng ta suy nghĩ về tình yêu đôi lứa. Mây và gió vẫn luôn không rời thể hiện cho tình cảm khăng khít và gắn bó của lứa đôi. Nhưng ở đây thì tác giả lại thể hiện ngược lại đó chính là sự chia ly và xa cách giữa gió và mây mỗi vật lại đi một hướng. Phải chăng đây chính là lời nhắn nhủ của nhà thơ đối với người con gái Hoàng Kim Cúc ấy. Họ đã bị xa cách nhau trong 1 thời gian dài khi Hàn Mặc Tử vào Sài Gòn viết báo và cô Cúc phụ cha làm việc.

Câu thơ thứ hai trong khổ chính là khắc họa về cuộc sống, nhịp sống đời thường của những người xứ Huế chậm rãi và yên bình như sự miêu tả dòng nước thì buồn thiu chảy nước chậm chậm, từ từ. Hoa bắp lay động một cách nhẹ nhàng khi có gió thổi.

Câu thơ tiếp theo là một câu nhớ khiến cho người đọc liên tưởng ra được cảnh vật nhiều nhất có trăng và thuyền. Hai hình ảnh hiện lên thật trữ tình và tỏa sáng cả một dòng sông khi có ánh trăng hiện lên soi tỏ cho cả một con thuyền. Liệu rằng thuyền có chờ trăng về kịp tối nay hay không hay lỡ làng? Đây chính là cách nói ẩn của tác giả về chuyện tình yêu của mình có còn kịp để quay lại và yêu thương nữa hay không hay là hai người sẽ mất nhau mãi mãi?

Khổ thơ cuối cùng là lời thốt lên từ đáy lòng tác giả và cũng là những suy tư của tác giả về người con gái ấy:

“Mơ khách đường xa khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà?”

Câu đầu tiên trong khổ thơ cuối tạo sự ấn tượng cho người đọc với sự lặp từ hai lần khách đường xa càng gợi lên sự xa cách hơn. Áo của người con gái ấy trắng quá đến nỗi mà tác giả không nhận ra nữa chính là vì người con gái ấy xinh đẹp mặc trên mình chiếc áo tinh khôi khiến tác giả không thể nhận ra được người con gái mình đã yêu năm nào. Sương khói dày đặc khiến làm mờ đi hình ảnh con người và tác giả tự hỏi liệu rằng cô ấy còn yêu còn tình cảm đậm đà với mình nữa hay không? Câu thơ cuối chính là tiếng lòng của tác giả muốn hỏi người con gái ấy.

Qua phân tích bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ chúng ta sẽ biết được rằng đây chính là bài thơ hay nhất mà Hàn Mặc Tử đã viết lên trước khi qua đời bởi căn bệnh phong. Thông qua bài thơ chúng ta có thể tưởng tượng được cảnh đẹp của thiên nhiên cũng như con người nơi xứ Huế xinh đẹp nơi mà đã từng là cố đô của nước ta năm nào. Bài thơ cũng thể hiện khắc họa được tình yêu chân thành mà nhà thơ đã dành tặng cho một người con gái xứ Huế thật đậm đà mà ngọt ngào xiết bao!

Nếu các bạn đã từng đi tham quan ở Huế thì sẽ thấy những mảnh vườn xinh xắn có cỏ và những cây cau mọc bên vườn. Người Huế đơn giản lắm họ chỉ cần sống gần gũi với thiên nhiên mộc mạc mà trữ tình vậy thôi cũng đủ cho ta thấy cuộc sống của họ thật nên thơ và tuyệt đẹp khi họ không cần những tòa nhà cao tầng chọc trời hay những chiếc xe ô tô to lớn, khi vào đến Huế chúng ta mới cảm nhận hết được vẻ đẹp của ngày xưa được hiện diện như thế nào.

Đường phố thì đông đúc người qua lại người đi bộ người đi xe đạp không hề ồn ào cũng không hề hấp tấp. Tác giả miêu tả: “Vườn ai mướt quá xanh như ngọc” chính là vẻ đẹp của những cây cỏ xanh mướt được những giọt sương sớm đọng lại. Khoảnh khắc ấy đã tuyệt đẹp nay còn đẹp hơn khi có những tia nắng chiếu vào.

Cảnh vật như hoa lệ và mỹ miều hơn bao giờ hết. Mướt quá chỉ sự vật cỏ cây mọc tốt mà xanh non quá đến nỗi xanh như ngọc. Mà ngọc có màu xanh thể hiện cho màu xanh biếc.

Tác giả thật khéo liên tưởng giữa màu xanh của cỏ cây và màu xanh của ngọc. Qua đây ta mới thấy được sự tinh tế cũng như khéo quan sát của nhà thơ Hàn Mặc Tử biết bao.

Người xứ Huế hiện lên vẻ đẹp trung thực và hiền lành biết bao qua câu thơ: “Lá trúc che ngang mặt chữ điền”. Khuôn mặt hình chữ điền chính là sự thể hiện cho phúc hậu, vuông vắn mà toát lên sự hiền lành và đôn hậu của những con người nơi đây. Đến khổ thơ thứ hai thì tác giả đã đặc biệt khắc họa rõ nét hơn về nhịp sống của những con người nơi xứ Huế chậm rãi mà êm ả:

“Gió theo lối gió, mây đường mây

Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay”

Dòng nước chảy chậm đến nỗi mà “buồn thiu” hoa bắp lay động cũng rất chậm. Câu thơ khiến ta cũng liên tưởng tới sự xa cách giữa lối gió một hướng , hướng mây một hướng. Phải chăng đó chính là sự ly biệt, là đường thẳng song song không bao giờ có điểm chung của mối tình giữa chàng trai Hàn Mặc Tử và cô gái Hoàng Thị Kim Cúc - một cô gái mà ngày xưa nhà thơ đã thâm thương trộm nhớ.

Và khi đọc đến câu thơ: “Thuyền ai đậu bến sông trăng đó, có chờ trăng về kịp tối nay?” khiến người đọc có thể liên tưởng được một thuyền nằm trên mặt sông và nơi đó có cả vàng trăng sáng. Thuyền đi đến đâu như thể chờ trăng đi theo đến đó. Liệu thuyền có chờ trăng kịp về hay không?

Khổ thơ cuối chính là tình cảm của tác giả Hàn Mặc Tử dành cho cô gái xứ Huế mà ông vẫn luôn thương thầm được miêu tả cụ thể qua 4 câu thơ cuối:

“Mơ khách đường xa khách đường xa

Áo em trắng quá nhìn không ra

Ở đây sương khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà?”

Tác giả mơ đến một giấc mơ ở đó có người khách lạ mà đó chính là cô gái mà tác giả đang yêu. Áo trắng quá khiến nhà thơ không còn nhận ra được cô gái nữa rồi. Màu áo trắng cũng làm chúng ta dễ dàng liên tưởng đến màu áo trắng của tà dài nữ sinh Huế. Câu

thơ lặp từ khách đường xa đến 2 lần càng thể hiện sự sâu lắng và xa lạ giữa nhà thơ với nhân vật mà tác giả nhắc đến.

Sương và khói đã làm mờ đi hình ảnh của người con gái khiến cho tác giả cảm giác xa xôi, khó gần. Tác giả tự hỏi bản thân mình: “Ai biết tình ai có đậm đà?” không biết liệu rằng cô nàng đó còn nhớ và còn thương Mặc Tử hay không? Đọc xong câu thơ cảm thấy phảng phất nỗi buồn, đó là tình yêu dạt dào của tác giả đơn phương gửi gắm đến một cô gái mà không được đáp trả lại.